

Bản án số: **10/2019/DS-ST**

Ngày: 19/9/2019

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tịnh, ông Nguyễn Duy Chấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Anh Đức – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2019/QĐXX-ST ngày 09 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1993; Địa chỉ: thôn XB, xã Đ, huyện M, tỉnh Đăk Nông. (Vắng mặt)

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1989; Địa chỉ: thôn XH, xã ĐM, huyện M, tỉnh Đăk Nông. Theo văn bản ủy quyền ngày 17/5/2019. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Võ Tá H, sinh năm 1989; Địa chỉ: thôn TB, xã Đ, huyện M, tỉnh Đăk Nông. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn, ông Nguyễn Thành N:* Ngày 15/02/2018 do có mối quan hệ quen biết nên ông Nguyễn Thành N có cho ông Võ Tá H vay số tiền 325.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi lăm triệu đồng). Hai bên thỏa thuận thời hạn vay trong vòng 01 tháng, tức là ngày 15/3/2018 phải trả nợ, hai bên không thỏa thuận lãi suất. Khi vay, hai bên có lập giấy viết tay ngày 15/02/2018 có chữ ký và điểm chỉ của ông Võ Tá H. Sau khi nhận tiền vay, đến thời hạn trả nợ, dù đã nhiều lần nhắc nhở, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng nhưng ông Võ Tá H chỉ thanh toán cho ông Nguyễn Thành N số tiền 50.000.000 đồng, số tiền còn lại 275.000.000 đồng ông H không thanh toán cho ông Nguyễn Thành N nên ông

Nguyễn Thành N làm đơn khởi kiện, yêu cầu ông Võ Tá H phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Thành N số tiền còn nợ lại là 275.000.000 đồng.

- Theo lời khai của ông Nguyễn Văn K là người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thành N: Ông K có lời khai giống với nội dung đơn khởi kiện của ông Nguyễn Thành N.

- Theo lời khai của bị đơn, ông Võ Tá H trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa: Ông Võ Tá H thừa nhận chữ ký trong giấy vay tiền ngày 15/02/2018 dưới mục bên vay tiền là chữ ký, điểm chỉ của ông Võ Tá H. Tuy nhiên, việc ký vào giấy vay tiền do là ông Nguyễn Thành N uy hiếp ông H nên ông H mới ký, ký trong tình trạng không ổn định về tinh thần. Sau khi ký xong thì ông H không có nhận tiền từ ông N. Tuy nhiên, sau khi ký giấy xong, nhiều lần ông N đòi nợ thì ông H có trả cho ông N số tiền 50.000.000 đồng. Lý do ông H trả tiền cho ông N là vì ông N đang cầm giấy vay tiền có nội dung ông H vay của ông N số tiền 325.000.000 đồng. Hiện nay ông Nguyễn Thành N yêu cầu ông Võ Tá H phải thanh toán số tiền 275.000.000 đồng thì ông Võ Tá H không đồng ý.

Tại phiên tòa: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K vẫn giữ nguyên quan điểm khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Tá H phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thành N số tiền nợ gốc là 275.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên tòa: Bị đơn ông Võ Tá H cho rằng không vay của ông Nguyễn Thành N số tiền 325.000.000 đồng mà thực chất ông chỉ vay của ông N số tiền hơn 170.000.000 đồng, tuy nhiên ông Võ Tá H cũng không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh cho lời khai của mình để Tòa án bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa xác định việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật (Về thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền giải quyết, xác định quan hệ tranh chấp, về thu thập chứng cứ, về thời hạn chuẩn bị xét xử, về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát), những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 91; Điều 147; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Áp dụng: Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành N. Buộc bị đơn ông Võ Tá H phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thành N số tiền gốc 275.000.000 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất nên không xem xét, giải quyết. Bị đơn phải chịu lãi suất khi thi hành án theo quy định của pháp luật. Buộc bị đơn ông Võ Tá H phải chịu 13.750.000 đồng tiền án phí DSST. Trả lại cho ông Nguyễn Thành N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.875.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn ông Nguyễn Thành N khởi kiện yêu cầu ông Võ Tá H phải trả số tiền vay ngày 15/02/2018, phát sinh tranh chấp từ hợp đồng dân sự vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 463 của Bộ luật dân sự.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 15/02/2018, ông Võ Tá H vay tiền của ông Nguyễn Thành N, thời hạn trả nợ là 1 tháng, tức là ngày 15/03/2018 phải có nghĩa vụ trả nợ nhưng khi đến hạn ông Võ Tá H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ngày 06/5/2019 ông Nguyễn Thành N nộp đơn khởi kiện tại Tòa án là còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật dân sự.

[1.3] Bị đơn là ông Võ Tá H có hộ khẩu thường trú tại thôn TB, xã Đ, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Ông Nguyễn Thành N là nguyên đơn trong vụ án, tuy nhiên ông N ủy quyền cho ông Nguyễn Văn K tham gia tố tụng với tư cách là người đại diện theo ủy quyền là đúng theo quy định tại Điều 85 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào Giấy vay tiền đề ngày 15/02/2018 thể hiện ông Võ Tá H vay của ông Nguyễn Thành N số tiền 325.000.000 đồng. Giấy vay tiền giữa ông Nguyễn Thành N và ông Võ Tá H là giấy viết tay và được ông Võ Tá H ký tên, điểm chỉ trong giấy vay tiền là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên căn cứ Điều 92 của BLTTDS, Tòa án công nhận hợp đồng vay tài sản giữa ông Nguyễn Thành N và ông Võ Tá H là có thật và hợp pháp. Về nội dung các bên thỏa thuận là phù hợp với các quy định của pháp luật về hợp đồng vay tài sản và hợp đồng dân sự.

Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”.*

Ông Nguyễn Thành N cho rằng, ông Võ Tá H có vay của ông số tiền 325.000.000 đồng theo giấy viết tay ngày 15/02/2018, thời hạn trả nợ vào ngày 15/03/2018, tuy nhiên khi đến hạn ông H không trả tiền theo thỏa thuận, mới chỉ trả được số tiền 50.000.000 đồng còn nợ lại số tiền 275.000.000 đồng không chịu thanh toán. Việc ông H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay được quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015: *“Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; ...”.*

Đối với bị đơn ông Võ Tá H trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa: Ông Võ Tá H mặc dù không viết bản tự khai và không H tác để Tòa án tiến hành lấy lời khai nhưng trong quá trình đối chất thì ông Võ Tá H thừa nhận ông có ký và điểm chỉ vào giấy vay tiền với số tiền vay là 325.000.000 đồng, nhưng ông không có nhận số tiền

trên từ ông N. Sau khi đến hạn, nhiều lần ông N đòi tiền ông H, vì ông H đang làm thủ tục đi xuất khẩu lao động nên ông N đã khởi kiện ông H ra Tòa đồng thời yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời “Cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ” vì vậy ông H có trả cho ông N số tiền 50.000.000 đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, sau khi ký giấy vay tiền, đến thời hạn trả nợ nhưng ông H không trả tiền thì ông N khởi kiện ông H ra Tòa án để yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ thì ông H có thỏa thuận thời hạn trả nợ và có trả cho ông N số tiền 50.000.000 đồng, điều đó thể hiện sau khi ký giấy vay tiền thì ông H có nhận tiền từ ông N thì ông H mới trả tiền cho ông N được nên lời khai của ông H không có căn cứ để chấp nhận. Bên cạnh đó ông H cũng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của BLTTDS thì: Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.

Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành N đối với bị đơn ông Võ Tá H phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc 275.000.000 đồng là có căn cứ. Trong quá trình điều tra cùng như tại phiên tòa ông Nguyễn Thành N không yêu cầu ông Võ Tá H phải chịu lãi xuất nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành N về việc yêu cầu bị đơn ông Võ Tá H phải trả số tiền nợ gốc là 275.000.000đ (*Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng*) thì mới bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của đương sự.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội thì bị đơn ông Võ Tá H phải chịu án phí sơ thẩm số tiền 13.750.000 đồng. Trả lại cho ông Nguyễn Thành N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.875.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 112; Điều 114; Điều 147, Điều 208, Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng: Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Thành N. Buộc ông Võ Tá H phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Thành N số tiền 275.000.000 đồng (*Hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

Giữ nguyên Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 14/2019/QĐ-BPKCTT, ngày 10/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông để bảo đảm cho việc thi hành nghĩa vụ dân sự.

2. Về án phí:

- Buộc ông Võ Tá H phải nộp 13.750.000 đồng (*Mười ba triệu bảy trăm năm mươi đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho ông Nguyễn Thành N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.875.000 đồng (*Sáu triệu tám trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0003511, ngày 07/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐắkNông;
- VKS ND huyện ĐắkMil;
- Chi cục THA DS huyện M;
- Các đương sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh